

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 02 năm 2020

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH GIÁO DỤC HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Tên ngành : **Giáo dục học**
Mã số : **7140101**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Loại hình đào tạo : **Chính quy**

Phần 1: Sự cần thiết phải xây dựng đề án

1. Giới thiệu về Trường Đại học Tân Trào

Trường Đại học Tân Trào là cơ sở đào tạo Đại học công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các tỉnh lân cận khu vực miền núi phía Bắc. Trường Đại học Tân Trào được thành lập theo Quyết định số 1404/QĐ-TTg ngày 14/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp trường Cao đẳng Tuyên Quang. Trụ sở trường tại km 6 đường Tuyên Quang - Hà Giang thuộc xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Gần 60 năm qua, nhà trường đã và đang thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lí, giáo viên các bậc học và cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ, liên kết đào tạo Đại học các ngành Sư phạm và ngoài Sư phạm cho học sinh, sinh viên, cán bộ, giáo viên trong và ngoài tỉnh.

Từ năm 2008, trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở thêm các mã ngành mới ngoài Sư phạm, thực hiện nhiệm vụ đào tạo đáp ứng kịp thời nhu cầu của xã hội. Trường được xếp vào hạng khá trong khối các trường Đại học, Cao đẳng, được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen xuất sắc trong công tác Đảm bảo chất lượng năm 2011; Cờ thi đua, Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo 2012, 2013. Trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đại học năm 2019.

2. Sự cần thiết về việc mở ngành

Trường Đại học Tân Trào đã tiến hành khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo ngành Giáo dục học tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, đối tượng khảo sát: Nhà tuyển dụng, các tổ chức xã hội nghề nghiệp; các chuyên gia, các nhà khoa học; giảng viên; học sinh.

- **Kết quả khảo sát nhu cầu học:** có 183/600 học sinh phổ thông có nhu cầu học ngành giáo dục học tại các Trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

TT	Tên đơn vị được khảo sát	Nhu cầu đào tạo/phiếu khảo sát
1	Trường THPT Chuyên Tỉnh	13/50
2	Trường THPT Tân Trào	17/50
3	Trường THPT Ý La	17/50
4	Trường THPT Nguyễn Văn Huyền	22/50
5	Trường THPT Nội trú tỉnh	18/50
6	Trường THPT Sông Lô	14/50
7	Trường THPT Sơn Dương	13/50
8	Trường THPT Hàm Yên	15/50
9	Trường THPT Chiêm Hóa	16/50
10	Trường THPT Na Hang	10/50
11	Trường THPT Lâm Bình	12/50
12	Trường THPT Sơn Nam	18/50
	Tổng cộng	183/600

- **Kết quả khảo sát sử dụng lao động:** có 17 cơ sở tuyển dụng có nhu cầu tuyển mới 56 chỉ tiêu trong 5 năm tới

Số cơ quan, đơn vị được hỏi	Số nhu cầu tuyển dụng mới trong 5 năm tới	Ghi chú
1. Sở GD và ĐT tỉnh TQ	3	
2. Sở GD và ĐT tỉnh Hà Giang	2	
3. Sở GD và ĐT tỉnh Yên Bái	2	
5. Trường ĐH Tân Trào	5	

6. UBND huyện Chiêm Hóa	1	
7. UBND huyện Yên Sơn	1	
8. UBND huyện Na Hang	1	
9. UBND huyện Lâm Bình	1	
10. UBND huyện Sơn Dương	1	
11. UBND TP. Tuyên Quang	1	
12. Tỉnh đoàn Tuyên Quang	2	
13. Tỉnh Đoàn Hà Giang	2	
14. Tỉnh đoàn Yên Bái	2	
15. Trung tâm GD hòa nhập Ánh Bình Minh – Tuyên Quang	10	
16. Công ty cổ phần GD và ĐT PT KNS Tuệ Minh – Tuyên Quang	7	
17. Trung tâm giáo dục KNS Wonderkid Hà Nội	15	
Tổng số	56	

Nắm bắt được nhu cầu phát triển của xã hội, yêu cầu nguồn nhân lực giáo dục học trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang nói riêng và nhiều tỉnh thành trong nước Việt Nam nói chung trường Đại học Tân Trào xây dựng đề án mở mã ngành Giáo dục học hệ Đại học.

Nếu tổ chức đào tạo ngành Giáo dục học hệ đại học tại trường Đại học Tân Trào thì sẽ tạo cơ hội cho các học sinh tốt nghiệp THPT được học tập tại Tỉnh với chi phí thấp, giảm tải về lưu lượng sinh viên cho các trường đại học khác, đặc biệt là các trường ở Thủ đô Hà Nội. Sinh viên được học tập, thực hành, thực tế trên điều kiện tự nhiên và xã hội của địa phương nên khi ra trường sẽ thích ứng với môi trường công tác xã hội ở tỉnh Tuyên Quang.

Phần II: Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

1. Năng lực cơ sở đào tạo

1.1. Đội ngũ giảng viên, kĩ thuật viên

Trường Đại học Tân Trào hiện có số giảng viên cơ hữu đảm bảo được trên 80% chương trình giảng dạy, Trường đang tiếp tục thu hút các giảng viên có trình độ cao về

giảng dạy tại Trường, đồng thời có nhiều giảng viên có trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ sẵn sàng tham gia giảng dạy cho ngành của Trường.

(Xem Danh sách phân công giảng viên cơ hữu giảng dạy ngành Giáo dục học)

1.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Nhà trường có cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ hiện đại, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ dạy học. Hiện nay, nhà trường có 3 cơ sở, trong đó có 2 cơ sở phục vụ giảng dạy và 01 cơ sở phục vụ thực hành, thực nghiệm.

Tổng diện tích đất hiện có của nhà trường là 57,469 ha; diện tích xây dựng là 27.268m² (Giảng đường 9.847m² gồm trên 80 phòng học từ 50 đến 200 chỗ; Phòng học máy tính, phòng học ngoại ngữ 749m²; Thư viện 600m²; 20 phòng thí nghiệm, xưởng thực hành 10.429m²; Kí túc xá 155 phòng diện tích xây dựng 7.606m²; và các diện tích khác như nhà ăn – căng tin, hội trường, nhà thi đấu đa năng diện tích 3.529.62m²).

Khu vực Kí túc xá sinh viên gồm 5 toà nhà (thuộc 2 khu) có khả năng đáp ứng chỗ ở cho khoảng 1.500 sinh viên, trong đó có 2 nhà với gần 1000 chỗ ở khép kín, có đủ trang thiết bị phục vụ nhu cầu sinh hoạt và một số phòng trong khu Kí túc xá đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của lưu học sinh cũng như các nhà khoa học đến lưu trú và làm việc tại Trường.

Khu vực Hiệu bộ là khu nhà 4 tầng với các phòng làm việc của các khoa, phòng, bộ môn.

Khu vực hoạt động ngoài trời, thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ gồm sân vận động, nhà thi đấu, các khu sân bóng rổ, bóng chuyền... rộng 11.600m² có đủ các thiết bị thi đấu và tập luyện, phục vụ cho các hoạt động lớn của tỉnh cũng như của nhà trường và dân cư trong khu vực đang góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện của Nhà trường

Hiện nay, nhà trường có trên 700 máy tính, máy trợ giảng, projector và thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và quản lí, tất cả máy tính đã được nối mạng nội bộ và internet tốc độ cao. Mạng wifi đã phủ kín các khu vực trong nhà trường như Giảng đường, Thư viện, Khu làm việc, riêng khu vực Kí túc xá (từ 5h00 đến 24h00 hàng ngày).

Thư viện có trên 8.000 đầu sách, tài liệu số, luận văn, luận án tiến sĩ, thạc sĩ, báo cáo của các đề tài nghiên cứu khoa học và các loại báo, tạp chí và ấn phẩm. Có phòng đọc sách, báo, tạp chí với 01 phòng đọc mở, 02 phòng mượn với diện tích tổng cộng trên 600m² với trên 400 chỗ đọc sách và phòng tra cứu Internet, việc mua sách, giáo trình và nâng cấp, mua sắm một số phương tiện hiện đại phục vụ hoạt động của Thư viện đã được thực hiện thường xuyên.

Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, phòng thực hành, thực nghiệm phục vụ việc học tập, giảng dạy của giảng viên và sinh viên.

Các hạng mục công trình của Trường được kết nối bằng hệ thống đường giao thông nội bộ thuận lợi, xen lẫn các khoảng sân vườn, tiểu cảnh cây xanh, vườn hoa đẹp mắt.

Từ tháng 01 năm 2012, Nhà trường đã kí hợp đồng kết nối 40 máy tính với Trung tâm học liệu thuộc Đại học Thái Nguyên để khai thác tài liệu điện tử; Website của nhà trường thường xuyên được cập nhật các thông tin.

Phần mềm quản lí thư viện: Phần mềm thư viện số GREENSTONE.

(Xem danh sách Cơ sở vật chất, sách giáo trình, sách tham khảo)

1.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Công tác nghiên cứu khoa học được xác định là một trong 2 nhiệm vụ trọng yếu của nhà trường trong mọi thời kì. Công tác này luôn đi đúng hướng, phục vụ hiệu quả cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Từ năm 2011, với việc thành lập trường Cao đẳng đa ngành và đặc biệt từ ngày 14 tháng 8 năm 2013, trường được nâng cấp thành Đại học Tân Trào, cán bộ của trường có thêm nhiều cơ hội nghiên cứu các lĩnh vực của đời sống xã hội, đóng góp nhiều hơn cho sự nghiệp phát triển của tỉnh và khu vực.

Trong vòng 10 năm trở lại đây, trường đã có 252 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, 20 đề tài nghiên cứu khoa học, dự án khoa học cấp tỉnh về các lĩnh vực Khoa học Xã hội và Nhân văn, Văn hoá, Khoa học Tự nhiên, Giáo dục, Nông - Lâm nghiệp; 88 đầu sách chuyên khảo, giáo trình và tài liệu tham khảo; có 618 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước; 110 bài viết có trong các kỉ yếu và hội thảo trong nước. Các đề tài khoa học sau nghiệm thu phần lớn đã được sử dụng và góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo,

đổi mới phương pháp giảng dạy trong nhà trường nói riêng và sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh và khu vực nói chung.

1.4. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Trong những năm gần đây, nhiệm vụ hợp tác quốc tế đã được nhà trường quan tâm, Nhà trường đã kí kết hợp tác với 18 trường đại học thuộc các nước Đông Nam Á và châu Âu về liên kết đào tạo, trao đổi sinh viên, giao lưu văn hóa. Trường đã và đang triển khai hợp tác quốc tế với một số trường Đại học và Cao đẳng của nước ngoài, thông qua sự kết nối của Vụ Hợp tác Quốc tế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Hợp tác Quốc tế của Đại học Thái Nguyên, phòng Hợp tác Quốc tế của trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2...

Năm 2011, nhà trường đã cử đoàn cán bộ lãnh đạo và giảng viên đi học tập kinh nghiệm, quan hệ hợp tác với các trường Đại học và Cao đẳng của Thái Lan. Lãnh đạo trường đã thăm và làm việc với một số trường Đại học tại Hoa Kỳ, Đan Mạch, CHLB Đức, Singapore. Hiện tại, nhà trường đang đào tạo sinh viên nhóm ngành Văn hóa, Giáo dục và Nông Lâm nghiệp cho nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Trường đã kí bản ghi nhớ hợp tác đào tạo với trường Đại học kỹ thuật quốc gia Belarus (Cộng hòa Belarus); Trường đại học Suan Dusit Rajabhat (Thái Lan), Trường Đại học Sakon Nakhon Rajabhat (Thái Lan), Học viện Hồng Hà (Trung Quốc), tỉnh Xiêng Khoảng (Lào), trường Đại học Quốc gia Hankyong Hàn Quốc, trường Đại học Đông Nam Philippin (Philippin), Đại học Bắc Philippin (Philippin), Đại học Nghiên cứu Công nghệ Quốc gia Kazan - Liên Bang Nga.... Tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu về đào tạo đại học tại các trường Cao đẳng, Đại học thuộc các nước khu vực ASEAN do trường Đại học Suan Dusit Rajabhat - Thái Lan chủ trì; Trường Đại học Tân Trào phối hợp với Trường Đại học Sakon Nakhon Rajabhat - Thái Lan và Trường Đại học Văn hoá Hà Nội tổ chức thành công Hội thảo khoa học quốc tế với chủ đề “Văn hóa và ngôn ngữ các dân tộc trong sự giao thoa giữa các quốc gia Đông Nam Á”.

Trường đã phối hợp với một số tổ chức quốc tế tại Việt Nam về tình nguyện giảng dạy tiếng Anh cho cán bộ nhà trường như: Australian Volunteers International (Úc), tổ chức Fullbright (Mỹ).

Bên cạnh đó, trường còn mở rộng các chương trình hợp tác quốc tế. Từ năm 2016, trường liên tục cử các đoàn sinh viên sang thực tập tại trường Đại học Sakon

NaKhon Rajabhat Thái Lan, và Trường Đại học Đông Nam Philippin tạo điều kiện cho sinh viên không những học tập tại trường Đại học Tân Trào mà còn có cơ hội trao đổi kiến thức, chuyên môn trong cộng đồng giáo dục quốc tế.

2. Tóm tắt Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo

CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Giáo dục học

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Giáo dục học

Mã ngành : 7140101

Loại hình đào tạo : Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Giáo dục học nhằm mục tiêu trang bị cho người học các kiến thức cơ bản, chuyên sâu về giáo dục, trong đó có ba chuyên môn sâu của ngành đó là: chuyên môn Giáo dục và phát triển cộng đồng bao gồm các kiến thức về tham vấn học đường, hướng nghiệp, tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển cộng đồng; Chuyên môn Giảng dạy và Tổ chức hoạt động giáo dục trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng để nghiên cứu và giảng dạy các lĩnh vực về giáo dục học và các lĩnh vực liên quan; Chuyên môn Quản trị trường học trang bị cho người học kiến thức cơ bản, cốt lõi về quản trị tổ chức và cơ sở giáo dục gồm Quản lý hoạt động dạy học ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực, phát triển chương trình giáo dục, kiểm định chất lượng và thanh tra giáo dục trong trường học, xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Học xong chương trình này, sinh viên cần đạt được những mục tiêu sau:

1.2.1. Về kiến thức

Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quốc phòng - an ninh trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

Vận dụng được những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học giáo dục vào tìm hiểu đặc trưng văn hóa vùng miền; Vận dụng các kiến thức về ngoại ngữ, tin học trong quá trình công tác.

Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về Tâm lý học, Giáo dục học, Giải phẫu sinh lí và hoạt động thần kinh cấp cao, Xã hội học vào phát hiện và hỗ trợ học sinh nói chung, đặc biệt là học sinh có khó khăn tâm lý, trẻ có nhu cầu đặc biệt;

Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về Giáo dục cộng đồng trợ giúp người học, giáo viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng trong giải quyết vấn đề liên quan đến phát triển thể chất, tinh thần, hướng nghiệp của học sinh và các mối quan hệ trong và ngoài nhà trường;

Vận dụng được các kiến thức cơ bản, nền tảng về giáo dục học, tâm lý học, tâm lý học giáo dục, các kiến thức và kỹ năng về phương pháp dạy học để giảng dạy được các lĩnh vực giáo dục học, các lĩnh vực liên quan tại các trường đại học, cao đẳng và các cơ sở giáo dục; tổ chức được các hoạt động giáo dục nội khóa cũng như ngoại khóa đa dạng trong nhà trường.

Vận dụng được kiến thức cơ bản của tâm lý học, giáo dục học, tổ chức học, quản trị học vào việc ra đưa ra các quyết định quản trị; Áp dụng được lý luận cơ bản của quản trị học và quản trị nhà trường vào thực tiễn tại cơ sở giáo dục; Hiểu và phân tích được mô hình hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản pháp luật liên quan; Đánh giá và khai thác được các các mô hình quản trị nhà trường tại một số quốc gia có nền giáo dục tiên tiến để vận dụng tại Việt Nam; Phân tích và đánh giá các chương trình giáo dục để vận dụng trong hoạt động cải tiến và phát triển chương trình nhà trường;

Ứng dụng các kiến thức đã học vào việc tổ chức các hoạt động thực tiễn liên quan đến các hướng chuyên môn sâu được đào tạo: Giáo dục và phát triển cộng đồng; Giảng dạy và Tổ chức hoạt động giáo dục; quản trị trường học. Đánh giá được các hoạt động thực tiễn, công việc cụ thể trong cơ sở thực tập chuyên môn. Hoàn thành 01 kết quả nghiên cứu trong 3 lĩnh vực chuyên môn sâu.

1.2.2. Về kĩ năng

Vận dụng các kĩ năng nghề nghiệp, như kĩ năng tổ chức các hoạt động giáo dục, kĩ năng tham vấn học đường, kĩ năng giảng dạy giáo dục học trong các trường học, kĩ năng quản trị trường học vào công tác trong thực tiễn giáo dục.

Xây dựng và tổ chức triển khai được qui trình công việc cụ thể trong lĩnh vực hoạt động tương ứng với ba chuyên môn sâu : Giáo dục phát triển cộng đồng, Giảng dạy và Tổ chức hoạt động giáo dục, Quản trị trường học.

Xác định được các vấn đề nghiên cứu, vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học hiệu quả để triển khai đề tài nghiên cứu, dự án nghiên cứu trong giáo dục học. Kĩ năng khai thác, xử lý có hiệu quả các thông tin cập nhật của khoa học chuyên ngành và liên ngành để nghiên cứu, vận dụng vào thực tế, phục vụ cho học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.

Kỹ năng vận dụng được những kiến thức, kĩ năng chuyên môn và nghiệp vụ vào tổ chức, triển khai hoạt động thực tiễn, đánh giá chất lượng công việc liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.

1.2.3. Về năng lực

Có năng lực giao tiếp, thuyết trình, kĩ năng làm việc độc lập, năng lực tư duy, sáng tạo và giải quyết vấn đề trong các lĩnh vực hoạt động giáo dục cộng đồng, trong dạy học giáo dục học, trong quản trị trường học; có kĩ năng phát hiện, phân tích, xử lý tình huống nảy sinh trong thực tiễn hoạt động giảng dạy và giáo dục, đáp ứng những yêu cầu của xã hội;

Có kĩ năng phát hiện, phân tích, xử lý tình huống nảy sinh trong thực tiễn hoạt động giảng dạy và giáo dục, đáp ứng những yêu cầu của xã hội; có kĩ năng kĩ năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Có khả năng giao tiếp Tiếng Anh thông thường và đọc, hiểu, dịch các tài liệu giáo dục học bằng Tiếng Anh.

Sử dụng thành thạo máy tính trong việc soạn thảo văn bản, trình chiếu, khai thác, cập nhật, lưu trữ thông tin và xử lý thống kê kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực Giáo dục học; Có chứng chỉ tin học trình độ B theo qui định của Bộ CNTT&TT.

1.2.4. Về thái độ

Có lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức tốt, lối sống lành mạnh; yêu quê hương, đất nước; chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp

luật của Nhà nước; có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỉ luật, tinh thần vượt khó để hoàn thành nhiệm vụ; có ý thức cầu thị, luôn học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có ý thức yêu ngành, yêu nghề, luôn thực hiện tốt nhiệm vụ trong vị trí công tác.

Trung thực và chuyên nghiệp trong giải quyết các vấn đề liên quan đến nghề nghiệp. Giao tiếp, ứng xử theo những tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp về các lĩnh vực chuyên môn của Giáo dục học. Thích ứng với sự thay đổi của kinh tế - xã hội, các yêu cầu của sự đổi mới ngành, giáo dục,... Tham gia vào các hoạt động xã hội, dịch vụ xã hội trong lĩnh vực giáo dục học.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ

Có kiến thức ngoại ngữ tương đương trình độ B.

1.2.6. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Chuyên gia giáo dục, chuyên gia tham vấn trong các cơ sở giáo dục, đặc biệt là trong hệ thống các trường phổ thông, tại các cơ sở, trung tâm tham vấn ngoài xã hội cho các đối tượng có nhu cầu; Cán bộ đánh giá giáo dục nói chung, chương trình giáo dục, đánh giá lớp học, người học, người dạy và nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục; Cán bộ về đánh giá giáo dục, tác động của giáo dục hoặc các vị trí có liên quan ở các tổ chức phi chính phủ NGOs; Giảng dạy các lĩnh vực thuộc khoa học Giáo dục cho các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp; Giảng dạy về những lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành giáo dục được đào tạo tại các cơ sở giáo dục nói chung và các cơ sở giáo dục chuyên biệt nói riêng; Nghiên cứu các đề tài về giáo dục, các dự án có liên quan đến giáo dục.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Yêu cầu về kiến thức

2.1.1. Khối lượng kiến thức đại cương

Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quốc phòng - an ninh trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

Vận dụng được những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học giáo dục vào tìm hiểu đặc trưng văn hóa vùng miền; Vận dụng các kiến thức về ngoại ngữ, tin học trong quá trình công tác.

Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về Tâm lý học, Giáo dục học, Giải phẫu sinh lí và hoạt động thần kinh cấp cao, Xã hội học vào phát hiện và hỗ trợ học sinh nói chung, đặc biệt là học sinh có khó khăn tâm lý, trẻ có nhu cầu đặc biệt;

2.1.2. Khôi kiến thức chuyên môn

Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về Giáo dục cộng đồng trợ giúp người học, giáo viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng trong giải quyết vấn đề liên quan đến phát triển thể chất, tinh thần, hướng nghiệp của học sinh và các mối quan hệ trong và ngoài nhà trường;

Vận dụng được các kiến thức cơ bản, nền tảng về giáo dục học, tâm lý học, tâm lý học giáo dục, các kiến thức và kỹ năng về phương pháp dạy học để giảng dạy được các lĩnh vực giáo dục học, các lĩnh vực liên quan tại các trường đại học, cao đẳng và các cơ sở giáo dục; tổ chức được các hoạt động giáo dục nội khóa cũng như ngoại khóa đa dạng trong nhà trường.

Vận dụng được kiến thức cơ bản của tâm lý học, giáo dục học, tổ chức học, quản trị học vào việc ra đưa ra các quyết định quản trị; Áp dụng được lý luận cơ bản của quản trị học và quản trị nhà trường vào thực tiễn tại cơ sở giáo dục; Hiểu và phân tích được mô hình hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản pháp luật liên quan; Đánh giá và khai thác được các các mô hình quản trị nhà trường tại một số quốc gia có nền giáo dục tiên tiến để vận dụng tại Việt Nam; Phân tích và đánh giá các chương trình giáo dục để vận dụng trong hoạt động cải tiến và phát triển chương trình nhà trường;

Ứng dụng các kiến thức đã học vào việc tổ chức các hoạt động thực tiễn liên quan đến các hướng chuyên môn sâu được đào tạo: Giáo dục và phát triển cộng đồng; Giảng dạy và Tổ chức hoạt động giáo dục; quản trị trường học. Đánh giá được các hoạt động thực tiễn, công việc cụ thể trong cơ sở thực tập chuyên môn. Hoàn thành 01 kết quả nghiên cứu trong 3 lĩnh vực chuyên môn sâu.

2.2. Yêu cầu về kỹ năng

Vận dụng các kĩ năng nghề nghiệp, như kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục, kỹ năng tham vấn học đường, kỹ năng giảng dạy giáo dục học trong các trường học, kỹ năng quản trị trường học vào công tác trong thực tiễn giáo dục.

Xây dựng và tổ chức triển khai được qui trình công việc cụ thể trong lĩnh vực hoạt động tương ứng với ba chuyên môn sâu : Giáo dục phát triển cộng đồng, Giảng dạy và Tổ chức hoạt động giáo dục, Quản trị trường học.

Xác định được các vấn đề nghiên cứu, vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học hiệu quả để triển khai đề tài nghiên cứu, dự án nghiên cứu trong giáo dục học. Kỹ năng khai thác, xử lý có hiệu quả các thông tin cập nhật của khoa học chuyên ngành và liên ngành để nghiên cứu, vận dụng vào thực tế, phục vụ cho học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.

Kỹ năng vận dụng được những kiến thức, kỹ năng chuyên môn và nghiệp vụ vào tổ chức, triển khai hoạt động thực tiễn, đánh giá chất lượng công việc liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.

Có khả năng giao tiếp Tiếng Anh thông thường và đọc, hiểu, dịch các tài liệu giáo dục học cơ bản bằng Tiếng Anh

2.3. Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Yêu cầu về thái độ

- Có động cơ học tập và làm việc đúng đắn , nhận thức được nhu cầu cập nhật kiến thức liên tục.
- Có đạo đức nghề nghiệp, hành nghề đúng pháp luật, trung thực, khách quan.
- Có trách nhiệm công dân, ý thức cộng đồng.
- Có tinh thần học hỏi, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp

2.3.2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Chuyên gia giáo dục, chuyên gia tham vấn trong các cơ sở giáo dục, đặc biệt là trong hệ thống các trường phổ thông, tại các cơ sở, trung tâm tham vấn ngoài xã hội cho các đối tượng có nhu cầu; Cán bộ đánh giá giáo dục nói chung, chương trình giáo dục, đánh giá lớp học, người học, người dạy và nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục; Cán bộ về đánh giá giáo dục, tác động của giáo dục hoặc các vị trí có liên quan ở các tổ chức phi chính phủ NGOs; Giảng dạy các lĩnh vực thuộc khoa học Giáo dục cho các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp; Giảng dạy về những lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành giáo dục được đào tạo tại các cơ sở giáo dục nói chung và các cơ sở giáo dục chuyên biệt nói riêng; Nghiên cứu các đề tài về giáo dục, các dự án có liên quan đến giáo dục

2.3.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

3. Khối kiến thức toàn khóa

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 132 tín chỉ (không kể các học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh). Thời gian đào tạo: 04 năm (08 học kì)

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 17 tín chỉ;
- Khối kiến thức chuyên nghiệp: 108 tín chỉ, trong đó:
 - + Kiến thức cơ sở ngành : 17 tín chỉ
 - + Kiến thức ngành : 19 tín chỉ
 - + Kiến thức chuyên ngành : 52 tín chỉ
 - + Thực tập và khóa luận tốt nghiệp (học phần thay thế) : 14 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy của Bộ giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo các văn bản sau:

Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 13/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo); Thông tư số 57/2012/TT-BGD&ĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr, ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào).

6. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo các văn bản sau:

Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 13/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo); Thông tư số 57/2012/TT-BGD&ĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy

theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr, ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào).

7. Nội dung chương trình

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê- mi- na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộ c	Tự chọ n
A. Kiến thức giáo dục đại cương			30					
I. Lý luận chính trị			11					
1	LL2.1.040.3	Triết học	3	25	20		x	
2	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị	2	31	14		x	
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	9		x	
4	LL2.1.044.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9		x	
5	LL2.1.045.3	Lịch sử Đảng	2	23	7		x	
II. Ngoại ngữ			13					
6	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	21	24		x	
7	NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2	2	14	16		x	
8	NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3	2	14	16		x	
9	NN2.1.004.3	Tiếng Anh 4	3	21	24		x	
10	NN2.1.005.3	Tiếng Anh chuyên ngành	3	20	25		x	
III. Tin học			2					
11	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15		x	
IV. Khoa học tự nhiên			2					
12	TN2.1.402.2	Xác suất thống kê B	2				x	
V. Khoa học xã hội			2					
13	XH2.1.002.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	25	5		x	

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê- mi- na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộ c	Tự chọ n
VI. Giáo dục thể chất			7					
14	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1	2	2	28		x	
15	TC2.1.020.3	GDTC 2 – Bơi 1	3	4	41			x
16	TC3.1.017.2	GDTC 2- Bóng rổ 1	2	4	41			x
17	TC2.1.005.3	GDTC 2-Cầu lông 1	3	4	41			x
18	TC2.1.006.3	GDTC 2-Võ thuật 1	3	3	42			x
19	TC2.1.002.3	GDTC2-Bóng bàn	3	2	43			x
20	TC2.1.004.3	GDTC2- Bóng chuyền 1	3	4	41			x
21	TC2.1.002.3	GDTC2-Bóng đá 1	3	2	28			x
22	TC3.1.018.2	GDTC2- Bóng rổ 2	2	2	28			x
23	TC2.1.011.2	GDTC2- Cầu lông 2	2	0	30			x
24	TC 2.1.013.2	GDTC2- Điền kinh 2	2	2	28			x
25	TC2.1.021.2	GDTC2- Bơi lội 2	2	2	28			x
26	TC2.1.009.2	GDTC2- Bóng bàn 2	2	2	28			x
27	TC2.1.008.2	GDTC2- Bóng đá 2	2	2				
28	TC2.1.012.2	GDTC2- Võ thuật 2	2	2				
29	TC2.1.010.2	GDTC2-bóng chuyền 2	2	2				
VII. Giáo dục Quốc phòng – An ninh			8					
30	TC2.1.014.3	GDQP – An ninh 1	3	45	0		x	

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê- mi- na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộ c	Tự chọ n
31	TC2.1.015.2	GDQP – An ninh 2	2	30	0		x	
32	TC2.1.016.3	GDQP – An ninh 3	3	17	28		x	
33	TC2.1.017.1	GDQP – An ninh 4	3	10	35		x	
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
I. Kiến thức cơ sở ngành			17					
34	TL2.1.100.3	Tâm lý học đại cương	3	17	27		x	
35	TL2.1.101.3	Giáo dục học đại cương	3	20	25		x	
36	TL2.1.102.2	Giải phẫu sinh lí và hoạt động thần kinh cấp cao	2	11	19		x	
37	TL2.1.103.3	Tâm lý học phát triển	3	17	28		x	
38	TL2.1.104.2	Xã hội học đại cương	2	12	18		x	
39	TL2.1.105.3	Khoa học quản lý đại cương	2	14	16			x
40	TL2.1.106.2	Đại cương dân tộc và tôn giáo	2	12	18			x
41	TL2.1.107.2	Dân số và phát triển	2	11	19			x
42	TL2.1.108.2	Hành vi con người và môi trường xã hội	2	15	15			x
II. Kiến thức ngành			19					
43	TL2.1.109.3	Tâm học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	3	20	25		x	
44	TL2.1.110.3	Giáo dục học hòa nhập	2	15	30		x	

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê- mi- na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộ c	Tự chọ n
45	TL2.1.111.3	Phối hợp các lực lượng trong giáo dục	3	15	30		x	
46	TL2.1.112.3	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	3	15	30		x	
47	TL2.1.113.2	Tâm lý học xã hội	2	12	18		x	
48	TL2.1.114.2	Kỹ năng giao tiếp	2	14	16		x	
49	TL2.1.115.2	Công tác xã hội đại cương	2	14	16			x
50	TL2.1.116.2	Giáo dục giới tính	2	14	16			x
51	TL2.1.117.2	Xã hội học giáo dục	2	12	18			x
52	TL2.1.118.2	Giáo dục gia đình	2	13	17			x
III. Kiến thức chuyên ngành			52					
Kiến thức chuyên ngành về Giáo dục và phát triển cộng đồng			13					
53	TL2.1.119.3	Tham vấn trong trường học	3	15	30		x	
54	TL2.1.120.2	Giáo dục đặc biệt	2	12	18		x	
55	TL2.1.121.3	Giáo dục hướng nghiệp	3	18	27		x	
56	TL2.1.122.3	Tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng	3	12	33		x	
57	TL2.1.123.2	Giáo dục và sự phát triển xã hội	2	15	15		x	
Kiến thức chuyên ngành về giảng dạy và tổ chức hoạt động giáo dục			18					

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê- mi- na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộ c	Tự chọ n
58	TL2.1.124.3	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục	3	20	25		x	
59	TL2.1.125.3	Phương pháp và kỹ thuật dạy học hiện đại	3	15	30		x	
60	TL2.1.126.3	Công nghệ dạy học	3	17	28		x	
61	TL2.1.127.3	Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống	3	10	35		x	
62	TL2.1.128.3	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo và hoạt động Đoàn, Đội.	3	18	27		x	
63	TL2.1.129.3	Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục	3	16	29		x	
Kiến thức chuyên ngành Quản trị trường học			15					
64	TL2.1.130.3	Quản lý hoạt động dạy học ở trường phổ thông theo định hướng PTNL	3	17	28		x	
65	TL2.1.131.3	Phát triển CT giáo dục	3	15	30		x	
66	TL2.1.132.3	Kiểm định chất lượng và thanh tra giáo dục trong trường học	3	18	27		x	
67	TL2.1.133.3	Những VĐC của khoa học	3	21	24		x	

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê- mi- na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộ c	Tự chọ n
		quản lí giáo dục						
68	TL2.1.134.3	Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường	3	18	27		x	
	<i>Học phần tự chọn của khối kiến thức chuyên ngành (6/10TC)</i>		6					
69	TL2.1.135.2	Thiết kế dự án phát triển cộng đồng	2	7	23			x
70	TL2.1.136.2	Quản lý nhà nước về giáo dục	2	13	17			x
71	TL2.1.137.2	Giáo dục so sánh	2	11	19			x
72	TL2.1.138.2	Môi trường giáo dục	2	14	16			x
73	TL2.1.139.2	Công tác xã hội trong trường học	2	12	18			x
IV. Thực tập			8					
74	TL2.1.140.4	Thực tập 1	4		11	49	x	
75	TL2.1.141.4	Thực tập 2	4		6	54	x	
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 6/12 tín chỉ)			6					
76	TL2.1.142.3	Quản lí và phát triển môi trường giáo dục	3	15	30			x
77	TL2.1.143.3	Kinh tế học giáo dục	3	18	27			x

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê- mi- na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộ c	Tự chọ n
78	TL2.1.144.3	Giáo dục học trẻ khuyết tật	3	14	16	15		x
79	TL2.1.145.3	Quản lý chất lượng giáo dục	3					x
Tổng số tín chỉ toàn khóa (Không tính Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)			132					

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
1	LL2.1.040.3	Triết học		3	3								
2	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		3	3								
3	TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2	2								
4	TN2.1.402.2	Xác suất thống kê B		2	2								
5	TL2.1.102.2	Giải phẫu sinh lí và hoạt động thần kinh cấp cao		2	2								
6	TL2.1.100.3	Tâm lý học đại cương		3	2								
7	TL2.1.101.3	Giáo dục học đại cương		3	2								
8	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1		2	2								

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
9	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị		2		2							
10	NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2		2		2							
11	XH2.1.002.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2		2							
12	TL2.1.104.2	Xã hội học đại cương		2		2							
13	TL2.1.114.2	Kỹ năng giao tiếp		2		2							
14	TL2.1.103.3	Tâm lý học phát triển	TL2.1.100.3	3		3							
<i>Tự chọn 3/21 tín chỉ</i>													
15	TC2.1.020.3	GDTC 2 – Bơi 1		3		3*							
16	TC3.1.017.2	GDTC 2- Bóng rổ 1		3		3*							
17	TC2.1.005.3	GDTC 2-Cầu lông 1		3		3*							
18	TC2.1.006.3	GDTC 2-Võ thuật 1		3		3*							
19	TC2.1.002.3	GDTC2-Bóng bàn		3		3*							
20	TC2.1.004.3	GDTC2- Bóng chuyền 1		3		3*							
21	TC2.1.002.3	GDTC2-Bóng đá 1											
22	TC2.1.014.3	GDQP – An ninh 1		3		3							
23	TC2.1.015.2	GDQP – An ninh 2		2		2							
24	TC2.1.016.3	GDQP – An ninh 3		3		3							
25	TC2.1.017.1	GDQP – An ninh 4		1		1							
<i>Tự chọn 4/8 tín chỉ</i>													
26	TL2.1.105.2	Khoa học quản lý đại cương		2		2*							
27	TL2.1.106.2	Đại cương dân tộc		2		2*							

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
		và tôn giáo											
28	TL2.1.107.2	Dân số và phát triển		2		2*							
29	TL2.1.108.2	Hành vi con người và môi trường xã hội		2		2*							
30	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2			2						
31	NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3		2			2						
32	TL2.1.109.3	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	TL2.1.100.3	3			3						
33	TL2.1.112.3	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục		3			3						
34	TL2.1.110.3	Giáo dục hòa nhập		2			2						
35	TC3.1.018.2	Tự chọn 2/16 tín chỉ GDTC3- Bóng rổ 2		2*			2*						
36	TC2.1.011.2	GDTC3- Cầu lông 2		2*			2*						
37	TC 2.1.013.2	GDTC3- Điền kinh 2		2*			2*						
38	TC2.1.021.2	GDTC3- Bơi lội 2		2*			2*						
39	TC2.1.009.2	GDTC3- Bóng bàn 2		2*			2*						
40	TC2.1.008.2	GDTC3- Bóng đá 2		2*			2*						
41	TC2.1.012.2	GDTC3- Võ thuật 2											
42	TC2.1.010.2	GDTC3-bóng chuyền 2											
	<i>Tự chọn 4/8 tín chỉ</i>												

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
43	TL2.1.115.2	Công tác xã hội đại cương		2			2						
44	TL2.1.116.2	Giáo dục giới tính		2			2						
45	TL2.1.117.2	Xã hội học giáo dục		2			2						
46	TL2.1.118.2	Giáo dục gia đình		2			2						
47	LL2.1.044.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2				2					
48	NN2.1.004.3	Tiếng Anh 4		3				3					
49	TL2.1.113.2	Tâm lý học xã hội		2				2					
50	TL2.1.121.3	Giáo dục hướng nghiệp		3				3					
51	TL2.1.124.3	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục		3				3					
52	TL2.1.127.3	Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống		3				3					
53	LL2.1.045.3	Lịch sử Đảng		2					2				
54	NN2.1.005.3	Tiếng Anh chuyên ngành		3					3				
55	TL2.1.133.3	Những vấn đề chung của khoa học quản lý giáo dục		3					3				
56	TL2.1.128.3	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo và hoạt động Đoàn, Đội.		3					3				
57	TL2.1.129.3	Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục		3					3				

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
58	TL2.1.120.2	Giáo dục đặc biệt		2					2				
59	TL2.1.119.3	Tham vấn trong trường học		3						3			
60	TL2.1.125.3	Phương pháp và kỹ thuật dạy học hiện đại		3						3			
61	TL2.1.126.3	Công nghệ dạy học		3						3			
62	TL2.1.134.3	Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường		3						3			
63	TL2.1.140.4	Thực tập 1		4						4			
64	TL2.1.130.3	Quản lý hoạt động dạy học ở trường phổ thông theo định hướng PTNL		3								3	
65	TL2.1.131.3	Phát triển CT giáo dục		3								3	
66	TL2.1.132.3	Kiểm định chất lượng và thanh tra giáo dục trong trường học		3								3	
67	TL2.1.123.2	Giáo dục và sự phát triển xã hội		2								2	
	Tự chọn 6/10 tín chỉ												
68	TL2.1.135.2	Thiết kế dự án phát triển cộng đồng		2*								2*	
69	TL2.1.136.2	Quản lý nhà nước về giáo dục		2*								2*	

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
70	TL2.1.137.2	Giáo dục so sánh		2*								2*	
71	TL2.1.138.2	Môi trường giáo dục		2*								2*	
72	TL2.1.139.2	Công tác xã hội trong trường học		2*								2*	
73	TL2.1.122.3	Tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng		3									3
74	TL2.1.111.3	Phối hợp các lực lượng trong giáo dục		3									3
75	TL2.1.141.4	Thực tập 2		4									4
	<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 6/12 tín chỉ)</i>												
76	TL2.1.142.3	Quản lý và phát triển môi trường giáo dục		3*									3*
77	TL2.1.143.3	Kinh tế học giáo dục		3*									3*
78	TL2.1.144.3	Giáo dục học trẻ khuyết tật		3*									3*
79	TL2.1.145.3	Quản lý chất lượng giáo dục		3*									3*
Cộng (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)				132	18	17	16	16	16	16	16	17	16

- Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 3 năm đầu:

Năm học 2020 - 2021, tuyển sinh 30 sinh viên;

Năm học 2021 - 2022, tuyển sinh 60 sinh viên;

Năm học 2022 - 2023, tuyển sinh 90 sinh viên;

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục học được thiết kế theo hình thức tín chỉ (theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr, ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào). Trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của một số trường Đại học trong nước hiện đang đào tạo ngành Công nghệ thông tin.

10. Đề nghị và cam kết thực hiện

Cơ sở vật chất của trường hiện có hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu cơ bản của việc giảng dạy và nghiên cứu, học tập, thực hành của sinh viên ngành Giáo dục học. Trường sẽ tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho ngành đào tạo này, cam kết đảm bảo chất lượng đào tạo Giáo dục học và công bố toàn bộ nội dung đăng kí mở ngành trên website: <http://daihoctantrao.edu.vn>.

Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội kính đề nghị Trường Đại học Tân Trào cho phép Khoa được mở ngành đào tạo Giáo dục học trình độ đại học, hệ chính quy từ năm học 2020 - 2021 với chỉ tiêu đào tạo ban đầu là 50 sinh viên.

Kính mong nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của Lãnh đạo Trường Đại học Tân Trào.

Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên.
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo trường;
- Khoa KH Cơ bản;
- Lưu VT, ĐT.

TRƯỞNG KHOA

Đã ký

TS. Hà Mỹ Hạnh